

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2018/HS-ST

Ngày 30-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Chí Hiếu.

Ông Nguyễn Hữu Tĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Thương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, là Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 45/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 45/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 11 năm 2018, đối với:

Bị cáo Trần Viết H, sinh năm 1988 tại tỉnh Nam Định; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Viết V và bà Nguyễn Thị H; có vợ tên là Trần Thị M, có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2018; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trần Văn N, Luật sư Văn phòng Luật sư T và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định, có mặt.

- Bị hại: Anh Trần Doãn B, sinh năm 1983 và chị Trần Thị P, sinh năm 1989; cùng trú tại: Đội A xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Đỗ Thị M, Luật sư Công ty Luật TNHH T và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nam Định, có mặt.

- *Người làm chứng:*

Anh Trần Doãn T, có mặt.

Chị Nguyễn Thị T, có mặt.

Ông Trần Bá T, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đầu năm 2012, giữa bà Trần Thị H (là mẹ anh Trần Doãn B) và ông Trần Bá T có thỏa thuận miệng đổi đất cho nhau, ông T có diện tích đất là 60m² (có 17m mặt tiền giáp đường A, thôn P) bà H có diện tích đất 90m² (tiếp giáp phía sau phần đất của ông T, không có mặt tiền), hai bên đổi đất cho nhau chia thành ba lô đất mặt đường A. Ông T lấy lô đất ở giữa có độ dài mặt tiền là 8,5m, còn bà H lấy hai lô đất hai bên với mỗi lô có độ dài mặt tiền là 4,25m. Sau khi bà H và ông T thỏa thuận đổi đất xong bà H đã cho anh B một lô đất (trong hai lô đất đã đổi). Sau đó, cùng năm 2012, vợ chồng anh B có xây một ngôi nhà cấp 4 có chiều rộng mặt tiền 4,18 m, chiều sâu 11,7m, mái lợp tôn để ở trên nền lô đất mà bà H đã cho. Việc vợ chồng anh B xây dựng ngôi nhà nêu trên đã được sự đồng ý của ông T, không bị ai phản đối, ngăn cản. Đến năm 2013, ông T được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất với diện tích 206m² đất ở, trong đó có phần đất trước đây ông T đã đổi cho bà H. Cùng năm 2013, bà H làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 205m² cho con trai là Trần Doãn T (anh trai B), trên đất có ngôi nhà của anh B.

Cuối năm 2016, bị cáo Trần Viết H có thỏa thuận mua lô đất mặt tiền 8,5m đường A của ông T với giá trị thực là 400.000.000 đồng. Khi bị cáo H biết được phần diện tích đất trước đây của bà H đã đổi cho ông T là đất nuôi trồng thủy sản, không thể xây dựng nhà ở; giữa bị cáo H, ông T và anh T không thỏa thuận được với nhau để bị cáo thực hiện các thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng lô đất nêu trên. Sau đó, giữa bị cáo và ông T tiếp tục có thỏa thuận là bị cáo mua lại toàn bộ diện tích đất 60m² của ông T trước khi đổi, trên đất đã có một phần ngôi nhà cấp 4 của vợ chồng anh B. Đến ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa bị cáo và ông T đã làm hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất 60m² nêu trên, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M xác nhận nên giữa bị cáo, ông T, anh T và anh B đã xảy ra tranh chấp đất đai. Bị cáo đã dùng máy xúc đất và đổ đất ra trước của nhà anh B. Từ ngày 15 tháng 9 năm 2017 đến ngày 30 tháng 9 năm 2017, Ủy ban nhân dân xã M đã nhiều

lần tiến hành hòa giải, giải quyết đơn của anh T và tranh chấp đất đai giữa các bên liên quan nhưng không thành.

Do bức tức cá nhân về việc anh Trần Doãn T đã đục tường thông từ nhà anh T sang nhà anh B để sinh hoạt và bật loa đài gây ồn ào, khoảng 17 giờ ngày 30 tháng 7 năm 2018, bị cáo Trần Viết H cầm theo 01 máy cắt, 01 máy vận ốc, 01 kìm trèo lên mái nhà lợp bằng tôn của anh Trần Doãn B trên mặt đường A, thôn P, xã M, huyện L. Bị cáo dùng máy cắt 01 đường dài 4,06m theo chiều ngang của các tấm tôn mái sau ngôi nhà anh B, tháo vít, dỡ phần tôn lợp có diện tích (3,01 x 3,77)m và tháo dỡ đường gạch xây bờ bờ đê giữ mái sau, kích thước (4,2 x 0,15 x 0,2)m. Sau đó, bị cáo dùng kìm cắt dây thép, tháo vít tấm tôn của mái trước và dỡ phần tôn lợp có diện tích (3,02 x 3,2)m. Bị cáo đặt tấm tôn và những tảng gạch của bờ bờ đã dỡ lên phần mái tôn mà bị cáo không tháo ốc vít của mái sau.

Ngày 13 tháng 8 năm 2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mỹ Lộc đã ra Bản kết luận định giá tài sản số 19B/2018 xác định phần thiệt hại, hư hỏng của mái tôn nhà anh B gồm: Giá trị thiệt hại của mái sau: $170.000 \text{ đồng/m}^2 \times 35,275 \text{m}^2 \times 50\% = 2.999.000 \text{ đồng}$, giá trị thiệt hại của mái trước: 01 ngày công: 200.000 đồng + 1 túi vít: 120.000 đồng = 320.000 đồng, giá trị thiệt hại của bờ bờ: 200.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại: 3.519.000 đồng. Đến ngày 07 tháng 11 năm 2018, do thấy có sự thay đổi về thông tin, đặc điểm tài sản cần định giá, cụ thể: Trong lần định giá trước, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Mỹ Lộc xác định các tấm tôn lợp trên mái trước và mái sau nhà anh B đều là tôn Thăng Long dày 0,4mm. Đến nay, cơ quan điều tra xác định được các tấm tôn lợp trên mái sau ngôi nhà là tôn VIFA dày 0,45mm, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc đã ra yêu cầu định giá tài sản tài sản lần thứ 2 đối với phần thiệt hại hư hỏng của mái tôn nhà anh B. Ngày 08 tháng 11 năm 2018, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Mỹ Lộc đã ra Bản kết luận định giá tài sản (lần thứ 2) số 26/2018: Phần thiệt hại, hư hỏng của mái tôn nhà anh B gồm: Giá trị thiệt hại của mái sau: $180.000 \text{ đồng/m}^2 \times 35,275 \text{m}^2 \times 50\% = 3.175.000 \text{ đồng}$, giá trị thiệt hại của mái trước: Tiền công + chi phí ốc vít: 320.000 đồng. Giá trị thiệt hại của bờ bờ: Tiền công + chi phí vật liệu xây dựng: 200.000 đồng. Tổng cộng: 3.695.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm:

01 máy cắt cầm tay có thân máy màu xám đã cũ, 01 máy vận ốc cầm tay có thân máy màu xám và xanh đã cũ, 01 kìm nhỏ cầm tay có tay cầm màu cam và đen đã cũ, 03 tấm tôn kích thước (3,8 x 1,1)m, 02 tấm tôn kích thước (1,2 x 0,4)m, 03 tấm tôn kích thước (3,2 x 1,1)m, 03 tấm tôn kích thước (2,1 x 1,1)m, 01 tấm tôn

kích thước (2,1 x 1,1)m đã bị khuyết mất 01 phần (0,8 x 0,6)m, 01 tấm tôn dạng chữ V dài 3,7m, cạnh chữ V dài 0,15m, 01 tấm tôn dạng chữ V dài 2,1m, cạnh chữ V dài 0,15m, 03 tầng gạch kích thước (0,6 x 0,2 x 0,15)m, 08 tầng gạch kích thước (0,3 x 0,2 x 0,15)m.

Ngoài ra, anh B khai gia đình anh còn bị thiệt hại đồ đạc trong nhà bị đổ và xáo trộn gồm: Tivi, quạt, đầu đĩa, cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh nhưng không đủ căn cứ xác định anh B bị thiệt hại các tài sản nêu trên.

Tại cơ quan điều tra, bị cáo Trần Viết H đã khai nhận toàn bộ hành vi cắt, tháo dỡ mái tôn nhà anh B, nhưng bị cáo cho rằng mục đích cắt, tháo dỡ mái tôn nhà anh B không phải làm hư hỏng tài sản mà chỉ để đòi lại phần đất của bị cáo mà anh B đang chiếm giữ trái phép. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã chứng minh ngôi nhà của anh Trần Doãn B được xây dựng từ năm 2012 trên mảnh đất có một phần thuộc quyền sử dụng đất của ông Trần Bá T, và một phần thuộc quyền sử dụng đất của anh Trần Doãn T (anh trai B), khi xây dựng nhà anh B đã được sự đồng ý của anh T và ông T. Gia đình anh B sinh sống ổn định từ năm 2012 đến tháng 8 năm 2017 khi ông T chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bị cáo Trần Viết H. Tranh chấp đất đai giữa anh T, anh B, ông T và bị cáo H chưa được giải quyết; việc ngôi nhà của anh B có phải tháo dỡ hay không phải có quyết định có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc anh B tự nguyện tháo dỡ. Hành vi cắt, tháo dỡ mái tôn của bị cáo H đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Doãn B là bị hại cùng với người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại có quan điểm yêu cầu bị cáo H phải bồi thường toàn bộ thiệt hại của phần mái ngôi nhà của anh B do mái tôn trên mái nhà của anh B như tình trạng ban đầu. Về phía bị cáo H cùng người bào chữa cho bị cáo không chấp thuận bồi thường với số tiền là 15.000.000 đồng. Ngày 15 tháng 11 năm 2018, bị cáo có đơn đề nghị nộp số tiền 3.695.000 đồng để khắc phục hậu quả, anh B không chấp nhận đề nghị trên. Các bên chưa thống nhất về bồi thường dân sự và đề nghị cơ quan pháp luật giải quyết việc bồi thường. Ngoài ra, anh B là bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác.

Ủy ban nhân dân xã M đang giải quyết tranh chấp đất đai đối với diện tích 60m² đất chưa được tách thửa của ông T chuyển nhượng cho bị cáo tại thôn P, xã M, huyện L. Việc bị cáo khởi công đào móng, xây dựng nhà cấp 4 trên mảnh đất của ông T cũng như việc anh B đục tường ngôi nhà của mình từ phía nhà anh T sang để thuận tiện cho việc sinh hoạt đã vi phạm yêu cầu giữ nguyên hiện trạng của Ủy ban nhân dân xã M. Như vậy, bị cáo H và anh B đã vi phạm trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền xử lý và giải quyết của Ủy ban nhân dân xã M. Cơ quan

điều tra không đặt ra vấn đề xử lý trong vụ án này mà có nội dung trao đổi phối hợp với Ủy ban nhân dân xã M để giải quyết theo quy định pháp luật.

Ông Trần Văn T, nguyên Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 10 năm 2018, ngày 23 tháng 8 năm 2017 đã ký tên chứng thực vào 02 bản hợp đồng gồm: “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” giá chuyển nhượng là 400.000.000 đồng và “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất” giá chuyển nhượng là 192.000.000 đồng giữa vợ chồng ông Trần Bá T và bà Trần Thị H chuyển nhượng đối với cùng mảnh đất 60m² chiều rộng mặt tiền 17m giáp đường A, chiều sâu 3,53m cho vợ chồng anh Trần Viết H và chị Trần Thị M. Quá trình điều tra chưa đủ căn cứ xác định mục đích ông T ký xác nhận 02 bản hợp đồng với giá trị chuyển nhượng khác nhau nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc tách ra để điều tra, xác minh sau. Bên cạnh đó việc ông T thực hiện chứng thực vào hợp đồng nêu trên đã không thực hiện đúng quy định thủ tục công chứng, chứng thực chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định về diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa trên địa bàn tỉnh Nam Định (ban hành kèm theo Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định), cụ thể vi phạm Điều 5 và khoản 3 Điều 8 của Quyết định trên. Xét thấy, hành vi của ông T có dấu hiệu vi phạm pháp luật: Vi phạm các quy định về quản lý đất đai nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỹ Lộc tách ra để điều tra, xác minh và có hình thức, biện pháp xử lý sau.

Bản cáo trạng số 46/CTr-KSĐT ngày 19 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc đã truy tố bị cáo Trần Viết H về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 3.695.000 đồng để thực hiện việc bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo H và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại số tiền 3.695.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy 01 máy cắt cầm tay, 01 máy vặn ốc cầm tay, 01 kìm nhỏ cầm tay, 11 tảng gạch; trả lại cho bị hại số lượng tôn đã thu giữ.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại kết luận định giá tài sản vì việc định giá tài sản chưa đúng quy định của pháp luật, xem xét đến việc bị hại cũng có lỗi, áp dụng khoản 1 Điều 178, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xử cho bị cáo mức hình phạt thấp nhất; về bồi thường dân sự bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền là 10.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị áp dụng thêm tình tiết định khung là gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội quy định tại điểm c khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỹ Lộc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo H có nhiều đơn khiếu nại về quyết định khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can, khiếu nại về kết luận định giá tài sản. Bị cáo được các cơ quan tiến hành tố tụng trả lời khiếu nại, sau đó bị cáo đã có đơn xin rút lại đơn khiếu nại vì khiếu nại không đúng. Tại phiên tòa, bị cáo H không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Trần Viết H.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại và người làm chứng tại phiên tòa cũng như toàn bộ lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra. Từ các tình tiết, chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận:

Do có mâu thuẫn trong sinh hoạt thường ngày và tranh chấp đất đai, khoảng 17 giờ ngày 30 tháng 7 năm 2018, bị cáo Trần Viết H cầm theo 01 máy cắt, 01 máy vặn ốc, 01 kim trèo lên mái nhà lợp tôn của ngôi nhà anh Trần Doãn B và chị

Trần Thị P trên mặt đường A, thôn P, xã M, huyện L, tiến hành cắt 01 đường dài 4,06m theo chiều ngang của các tấm tôn mái sau ngôi nhà anh B, tháo dỡ phần tôn lợp có diện tích (3,01 x 3,77)m, tháo dỡ đường gạch xây bờ bờ đê giữ mái sau, kích thước (4,2 x 0,15 x 0,2)m và dùng kìm cắt dây thép, tháo dỡ phần mái tôn phía trước có diện tích (3,02 x 3,2)m. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.695.000 đồng. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đã cấu thành tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Lộc truy tố là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị xem xét lại kết luận định giá tài sản vì việc định giá tài sản chưa đúng quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy việc định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Mỹ Lộc đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, đề nghị của người bào chữa không được chấp nhận. Đối với đề nghị xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là bị hại cũng có lỗi, Hội đồng xét xử xét thấy chỉ do việc có mâu thuẫn trong sinh hoạt thường ngày và mâu thuẫn do tranh chấp đất đai, bị cáo đã cố ý làm hư hỏng tài sản của bị hại, lỗi thuộc về bị cáo nên đề nghị của người bào chữa không được chấp nhận.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại đề nghị áp dụng thêm tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự là gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xem xét việc bị cáo làm hư hỏng tài sản là mái tôn của gia đình anh Trần Doãn B với giá trị thiệt hại là 3.695.000 đồng; xem xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, động cơ, mục đích phạm tội Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để áp dụng tình tiết định khung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 178 của Bộ luật Hình sự.

[4] Hành vi làm hư hỏng mái tôn nhà anh Trần Doãn B là cố ý xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, như vậy hành vi này là nguy hiểm cho xã hội. Việc đưa ra xét xử hình sự về hành vi phạm tội này là cần thiết.

Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo các điểm b, i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ như đã phân tích ở trên, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo được hưởng án treo là không gây nguy hiểm cho xã

hội, đảm bảo để giáo dục bị cáo có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại là vợ chồng anh B và chị P yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản theo quy định của pháp luật nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, ngoại trừ Bản kết luận định giá tài sản số 26/2018 ngày 08 tháng 11 năm 2018, của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Mỹ Lộc kết luận tổng thiệt hại, hư hỏng mái tôn nhà bị hại là 3.695.000 đồng. Bị cáo H đề nghị Hội đồng xét xử được bồi thường thiệt hại về tài sản cho bị hại số tiền là 10.000.000 đồng. Xét việc tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về xử lý vật chứng : Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, các điểm a và c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự . Đối với 01 chiếc máy cắt cầm tay, 01 chiếc máy vặn ốc cầm tay, 01 kìm nhỏ cầm tay là công cụ phạm tội, cần tịch thu và tiêu hủy; đối với 11 tảng gạch là vật chứng không sử dụng được nên cần tịch thu và tiêu hủy.

Đối với số lượng tôn đã thu giữ là tài sản của bị hại nên được trả lại cho vợ chồng anh B và chị P.

[7] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và nộp án phí dân sự được tính là 5% trên số tiền bồi thường thiệt hại về tài sản là 10.000.000 đồng - 3.695.000 đồng = 6.305.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Viết H phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Xử phạt bị cáo Trần Viết H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Viết H cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Trần Viết H bồi thường thiệt hại về tài sản cho vợ chồng anh Trần Doãn B và chị Trần Thị P số tiền là 10.000.000 đồng. Được đối trừ vào số tiền bị cáo H đã tự nguyện nộp trước là 3.695.000 đồng, theo Biên lai thu tiền số AA/2012/06524 ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Bị cáo Trần Viết H còn phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho vợ chồng anh Trần Doãn B và chị Trần Thị P số tiền là 6.305.000 đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, các điểm a và c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 01 máy cắt cầm tay; 01 máy vặn ốc cầm tay; 01 kìm nhỏ cầm tay; 03 tảng gạch kích thước (0,6 x 0,2 x 0,15)m; 08 tảng gạch kích thước (0,3 x 0,2 x 0,15)m đã thu giữ.

Trả lại cho anh Trần Doãn B và chị Trần Thị P 03 tấm tôn kích thước (3,8 x 1,1)m; 02 tấm tôn kích thước (1,2 x 0,4)m; 03 tấm tôn kích thước (3,2 x 1,1)m; 03 tấm tôn kích thước (2,1 x 1,1)m; 01 tấm tôn kích thước (2,1 x 1,1)m đã bị khuyết mất 01 phần (0,8 x 0,6)m; 01 tấm tôn dạng chữ V dài 3,7m, cạnh chữ V dài 0,15m; 01 tấm tôn dạng chữ V dài 2,1m, cạnh chữ V dài 0,15m.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trần Viết H phải nộp án phí hình sự là 200.000 đồng và nộp án phí dân sự là 315.000 đồng.

Bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền này, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa;
- Viện kiểm sát ND huyện Mỹ Lộc;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Nam Định;
- Công an huyện Mỹ Lộc;
- Ủy ban ND xã M, huyện L;
- Tòa án ND tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Mỹ Lộc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường